

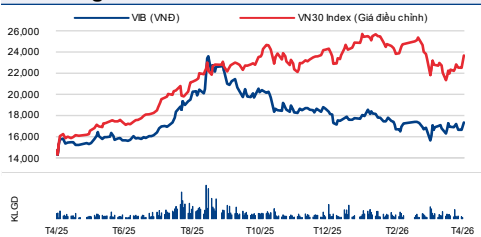
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ20,800
Tiềm năng tăng/giảm: 19.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (8/4/2026)	17,350
Mã Bloomberg	VIB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	14,302-23,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	59,059
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,243
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,404
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	168
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	4.99%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.94%
Tỷ lệ freefloat	50.7%
Cổ đông lớn	Chủ tịch, liên quan (14.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	556,098	626,986	723,693
Dư nợ cho vay (ntđ)	381,976	435,453	502,948
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	20,007	22,310	25,709
Lợi nhuận thuần (ntđ)	7,285	7,949	9,018
BVPS (đồng)	13,779	13,847	15,617
EPS (đồng)	2,143	2,227	2,414
DPS (đồng)	700	900	600
T.trưởng cho vay KH (%)	17.9	14.0	15.5
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(2.73)	11.5	15.2
Tăng trưởng EPS (%)	0.77	3.90	8.41
Tăng trưởng DPS (%)	(44.0)	28.6	(33.3)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	32.7	40.4	24.9
ROAE (%)	16.4	16.1	16.4
ROAA (%)	1.39	1.34	1.34
Tỷ lệ NIM (%)	3.11	3.11	3.18
Tỷ lệ CIR (%)	37.2	37.3	36.1
Hệ số CAR (%)	12.4	11.5	11.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.97	2.80	2.70
LLR/nợ xấu (%)	42.9	41.6	45.8
Hệ số LDR (%)	130	120	119
P/B (lần)	1.26	1.25	1.11
P/E (lần)	8.10	7.79	7.19
Lợi suất cổ tức (%)	4.03	5.19	3.46

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIB là một ngân hàng bán lẻ tầm trung tại Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực cho vay mua nhà, ô tô và bancassurance.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

ĐHCĐ: Kế hoạch tham vọng cho năm 2026 & tầm nhìn VIB 3.0

- VIB đã tổ chức ĐHCĐ vào ngày 8/4/2026 và đã thông qua tất cả các tờ trình. Ngân hàng đặt kế hoạch LNTT tăng trưởng 27%, cao hơn so với dự báo của chúng tôi (16%).
- BLĐ cho biết sẽ tiếp tục tập trung vào mảng ngân hàng bán lẻ, trong đó nhấn mạnh tới các sáng kiến mới về thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng ưu tiên và số hóa. VIB cũng cập nhật thông tin về tiến độ áp dụng Basel III và quan điểm môi trường lãi suất sẽ duy trì ở mức cao, nhưng có thể giảm nhẹ vào Q4/2026.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 20.800đ, tương đương P/B dự phóng năm 2026 là 1,37 lần với hệ số ROE dự phóng đạt 16,1%.

Sự kiện: ĐHCĐ năm 2026 tổ chức vào ngày 8/4/2026

VIB đã tổ chức ĐHCĐ vào ngày 8/4/2026 và đã thông qua tất cả các tờ trình. Ngân hàng đặt kế hoạch LNTT tăng trưởng 27% trong năm 2026 và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 9,5% và cổ tức tiền mặt 9%, tương đương lợi suất cổ tức khoảng 5%. Mặc dù BLĐ lạc quan sẽ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2026, kế hoạch này cao hơn 16% so với dự báo của chúng tôi, phản ánh quan điểm thận trọng hơn của chúng tôi về tỷ lệ NIM và thu nhập từ thu hồi nợ xấu, như đã phân tích trong Báo cáo gần đây "[Giá thấp hơn giá trị nhưng thách thức vẫn hiện hữu](#)".

Phản thảo luận tại ĐHCĐ tập trung vào chiến lược của Ngân hàng, trong đó mảng ngân hàng bán lẻ vẫn là trọng tâm chính. BLĐ cũng đã cập nhật thông tin về tiến độ áp dụng Basel III và chia sẻ quan điểm về các điều kiện kinh tế vĩ mô.

Chiến lược: Ngân hàng bán lẻ tiếp tục là trọng tâm

VIB cho biết năm 2026 đánh dấu năm cuối cùng của quá trình chuyển đổi kéo dài một thập kỷ (VIB 2.0, 2017-2026) và đưa ra lộ trình đầy tham vọng cho giai đoạn tiếp theo (VIB 3.0, 2027-2036), đặt kế hoạch tăng trưởng CAGR từ 20-30% trên các chỉ số chính, giống như đã từng chia sẻ tại buổi cập nhật kết quả kinh doanh trước đó.

Với tỷ trọng cho vay bán lẻ chiếm khoảng 70% tổng tín dụng (cao nhất trong hệ thống), ngân hàng bán lẻ vẫn là trọng tâm chính. Ngân hàng đặt kế hoạch tiếp tục củng cố 5 trụ cột sản phẩm chính: tín dụng, huy động (tiền gửi, tài khoản siêu lợi suất, ...), thẻ, bảo hiểm & đầu tư và giao dịch. Các sáng kiến chính bao gồm: Đẩy nhanh tăng trưởng thẻ, mở rộng dịch vụ ngân hàng ưu tiên và số hóa sâu rộng tất cả các sản phẩm, điều này sẽ hỗ trợ đa dạng hóa nguồn thu nhập và cải thiện hiệu quả hoạt động.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2026 và dự báo của HSC, VIB

Ngân hàng đặt kế hoạch LNTT cao hơn 16% so với kỳ vọng của chúng tôi

	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng	HSCF	%HSCF
Tổng tài sản	637,826	15%	626,986	102%
Tổng tín dụng	439,273	15%	435,453	101%
Tổng vốn huy động	415,968	26%	403,197	103%
LNTT	11,550	27%	9,944	116%
ROA	1.6%		1.3%	
ROE	18.5%		16.1%	

Nguồn: VIB, HSC

Nhận định của chúng tôi: Chúng tôi cho rằng chiến lược này vẫn phù hợp với vị thế bán lẻ đã được xây dựng của VIB và phù hợp với nhu cầu mới của khách hàng và thị trường. Mặc dù định hướng là đúng đắn, chúng tôi vẫn cho rằng VIB sẽ phải đối mặt với những thách thức ngắn hạn đối với các sản phẩm cho vay bán lẻ chủ chốt.

- VIB đã ghi nhận kết quả tốt trong lĩnh vực thẻ tín dụng, với số lượng thẻ phát hành và giá trị giao dịch tăng trưởng lần lượt 29% và 19% trong năm 2025, cũng cố tăng trưởng thu nhập phí. Ngân hàng cũng có bước tiến tích cực trong việc số hóa trải nghiệm khách hàng, với nhiều tính năng và dịch vụ được tích hợp vào ứng dụng.
- Tuy nhiên, cho vay bán lẻ – vẫn là mảng đóng góp chính vào lợi nhuận – đã phải đối mặt với những thách thức kể từ năm 2023 (dẫn đến việc chuyển dịch sang tín dụng khách hàng doanh nghiệp và tỷ trọng phân khúc bán lẻ giảm dần). Chúng tôi duy trì quan điểm lĩnh vực này sẽ tiếp tục chịu áp lực trong ngắn hạn do môi trường lãi suất cao hiện tại ảnh hưởng đến tiêu dùng hàng hóa giá trị lớn, từ đó làm giảm nhu cầu đi vay từ khách hàng cá nhân.

Những thông tin khác

Áp dụng Basel III và tác động dự kiến

Tính đến ngày 31/12/2025, Ngân hàng đã đăng ký với NHNN để áp dụng Basel III (Thông tư 14). VIB đã hoàn thành giai đoạn 2 của Basel III, bao gồm cả việc tính toán theo phương pháp IRB (dựa trên xếp hạng nội bộ). Hệ số CAR theo Basel III đạt 12,2%, cao hơn 1 điểm phần trăm so với Basel II (Thông tư 41). Sự gia tăng này phản ánh bằng CĐKT rủi ro thấp của VIB với hơn 90% khoản vay bán lẻ có tài sản bảo đảm đủ điều kiện, giúp giảm trọng số rủi ro.

Nhận định của chúng tôi: Điều này phù hợp với quan điểm của chúng tôi là Thông tư 14 có lợi hơn cho các ngân hàng áp dụng phương pháp IRB và tỷ trọng cho vay hạn chế với các doanh nghiệp phát triển BĐS/dự án BĐS.

Quan điểm về lãi suất và tác động tới VIB

BLĐ kỳ vọng môi trường lãi suất sẽ duy trì ở mức cao, do chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng - tiền gửi kéo dài và rủi ro lạm phát chi phí đẩy trong bối cảnh giá dầu tăng cao vì cuộc chiến tranh giữa Mỹ - Iran. Tuy nhiên, áp lực tăng lãi suất có thể hạ nhiệt vào Q4/2026 khi tăng trưởng tiền gửi bắt kịp sau các đợt nâng lãi suất gần đây.

VIB tiếp tục áp dụng các giải pháp để tối ưu hóa chi phí huy động:

- Trở thành ngân hàng chính phục vụ khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, củng cố khả năng huy động nguồn vốn sơ cấp.
- Đa dạng hóa nguồn vốn thông qua các khoản vay quốc tế với mục tiêu huy động 1 tỷ USD trong năm 2026 (2 đợt chia đều cho nửa đầu và nửa cuối năm với kỳ hạn 3-5 năm), với chi phí huy động ước tính 8,5%.

Nhận định của chúng tôi: Chúng tôi tin rằng chi phí huy động sẽ vẫn là một thách thức lớn do VIB là một ngân hàng quy mô vừa không có lợi thế mang tính cấu trúc về nguồn vốn. Ngoài ra, điều kiện huy động vốn nước ngoài hiện tại có vẻ không thuận lợi, với việc BLĐ ước tính chi phí vay ở mức 8,5%, trong bối cảnh Fed có thể duy trì lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn và áp lực mất giá của đồng VND so với đồng USD.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 20.800đ, tương đương tiềm năng tăng giá 20% và P/B dự phóng năm 2026 là 1,37 lần với hệ số ROE dự phóng đạt 16,1%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	32,443	36,324	44,236	51,511	60,467
Chi phí lãi	(15,693)	(20,232)	(26,140)	(30,363)	(35,553)
Thu nhập lãi thuần	16,750	16,092	18,096	21,149	24,914
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,765	2,105	2,501	2,892	3,195
Lãi thuần HĐ KDNH	501	(154)	208	251	290
Lãi/lỗ từ mua bán CK	248	79.8	0	69.9	81.9
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	3.75	2.75	2.75	2.75	2.75
Thu nhập khác	1,300	1,881	1,501	1,345	1,203
Tổng thu nhập HĐ	20,569	20,007	22,310	25,709	29,687
Chi phí HĐ	(7,211)	(7,435)	(8,315)	(9,279)	(10,717)
LN trước dự phòng	13,358	12,572	13,994	16,430	18,969
Chi phí dự phòng	(4,353)	(3,467)	(4,058)	(5,158)	(6,236)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	9,004	9,105	9,936	11,272	12,734
Chi phí thuế TNDN	(1,800)	(1,819)	(1,987)	(2,254)	(2,547)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	7,204	7,285	7,949	9,018	10,187
EPS (đồng)	2,127	2,143	2,227	2,414	2,727
DPS (đồng)	1,250	700	900	600	700
Sig CP bình quân (triệu đv)	3,388	3,400	3,570	3,736	3,736
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	3,395	3,404	3,736	3,736	3,736
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,395	3,404	3,736	3,736	3,736

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,639	3,553	2,258	2,540	2,934
Tiền gửi tại NHNN	9,909	8,998	9,248	10,059	11,618
Tiền gửi tại các TCTD khác	105,589	104,411	108,863	125,737	145,226
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	822	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	318,325	377,118	430,378	496,724	573,463
Tổng dư nợ cho vay	324,019	381,976	435,453	502,948	580,905
Dự phòng rủi ro	(5,694)	(4,859)	(5,075)	(6,225)	(7,442)
Chứng khoán đầu tư	50,344	51,150	64,512	75,207	88,519
CK đầu tư sẵn sàng để bán	50,346	51,150	64,512	75,207	88,519
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	42.4	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(43.9)	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	69.5	69.5	81.1	108	124
Tài sản cố định	798	849	978	1,006	1,162
Tài sản khác	5,663	9,951	10,669	12,312	14,232
Tổng tài sản	493,158	556,098	626,986	723,693	837,279
Nợ phải trả	451,297	509,194	575,258	665,353	771,548
Tiền gửi của NHNN	18,587	10,981	13,064	12,574	11,618
Tiền gửi của các TCTD khác	123,201	157,509	145,524	170,153	192,154
Tổng tiền gửi KH	276,308	294,578	362,878	423,041	497,919
Trái phiếu và CCTG	23,263	35,071	40,320	47,005	55,324
Nợ khác	9,938	10,950	13,049	12,582	14,532
Vốn chủ sở hữu	41,862	46,905	51,727	58,339	65,731
Vốn điều lệ	29,791	34,040	37,356	37,356	37,356
Thặng dư vốn cổ phần	1.77	1.95	1.95	1.95	1.95
Lợi nhuận giữ lại	7,735	7,516	7,582	13,399	19,889
Quỹ & vốn khác của CSH	4,333	5,347	6,788	7,583	8,484
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	493,158	556,098	626,986	723,693	837,279
BVPS (đồng)	12,330	13,779	13,847	15,617	17,596

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.3	12.8	12.7	15.4	15.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	21.6	17.9	14.0	15.5	15.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.8	6.61	23.2	16.6	17.7
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	15.0	10.0	22.3	16.6	17.7
Tăng trưởng VCSH (%)	10.3	12.0	10.3	12.8	12.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(9.38)	(3.93)	12.5	16.9	17.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	9.08	3.10	11.8	11.6	15.5
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(14.1)	(5.89)	11.3	17.4	15.5
Tăng trưởng LNTT (%)	(15.9)	1.11	9.13	13.4	13.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	(15.9)	1.12	9.11	13.4	13.0

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.56	3.81	3.77	3.81	3.80
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.60)	(1.42)	(1.41)	(1.37)	(1.37)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	99.0	98.8	98.4	98.6	98.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.75	1.95	2.28	2.63	3.04
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	37.7	38.1	41.6	47.2	53.3

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.16	8.10	7.79	7.19	6.36
P/B (lần)	1.41	1.26	1.25	1.11	0.99
Lợi suất cổ tức (%)	7.20	4.03	5.19	3.46	4.03

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	35.0	36.4	35.6	35.1	34.3
ROAA (%)	1.60	1.39	1.34	1.34	1.31
ROAE (%)	18.1	16.4	16.1	16.4	16.4
Chi phí huy động BQ (%)	3.92	4.31	4.93	5.00	5.04
Lợi suất góp BQ (%)	7.26	7.01	7.60	7.73	7.85
Lợi suất thuần (%)	3.34	2.70	2.66	2.73	2.81
Tỷ lệ NIM (%)	3.75	3.11	3.11	3.18	3.24
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.58	10.5	11.2	11.2	10.8
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.4	80.4	81.1	82.3	83.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.98	9.04	7.68	6.49	5.31
Tỷ lệ CIR (%)	35.1	37.2	37.3	36.1	36.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	58.8	32.7	40.4	24.9	25.7

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.4	12.4	11.5	11.2	11.0
VCSH/Tổng TS (%)	8.49	8.43	8.25	8.06	7.85
Đòn bẩy vốn (lần)	11.8	11.9	12.1	12.4	12.7

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.51	2.97	2.80	2.70	2.50
Hệ số LLR (%)	50.1	42.9	41.6	45.8	51.2

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	130	120	119	117
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	29.1	32.3	26.5	26.6	25.8
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	65.7	68.7	69.5	69.5	69.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	191	191	191	191	191
Số lượng nhân viên	11,736	10,278	9,764	9,764	9,764

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn